

**PHIẾU ĐĂNG KÝ TUYỂN SINH (ĐKTS) TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP
NĂM 201...**

1. **Số phiếu:** (thí sinh không ghi rõ mục này. Khi thu phiếu, trước khi đánh số phiếu, các đơn vị cần đọc kỹ hướng dẫn của Bộ)
2. **Hình thức tuyển sinh:** (thí sinh ghi 1 cho hình thức thi tuyển; ghi 0 cho hình thức xét tuyển)
3. **Tên trường đăng ký tuyển sinh:** (thí sinh ghi tên trường vào đường kẻ chấm, ghi ký hiệu mã trường vào các ô)
4. **Ngành dự tuyển:** (ghi bằng chữ vào đường kẻ chấm. Và ghi mã ngành vào các ô)
5. **Họ, chữ lót và tên của thí sinh:** (viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu) Giới
(Nữ ghi 1, Nam ghi 0)
6. **Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:**
(Nếu ngày, tháng nhỏ hơn 10 ghi số 0 ở ô đầu)
Ngày tháng năm
7. **Dân tộc:** (ghi bằng chữ vào đường kẻ chấm).....
8. **Hộ khẩu thường trú:** (ghi rõ số nhà, đường phố, thôn, xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố))

Mã tỉnh Mã huyện
9. **Nơi tốt nghiệp THPT (THCS) hoặc tương đương:** (ghi rõ tên trường và địa chỉ nơi trường đóng: xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố) vào đường kẻ chấm và ghi mã tỉnh nơi trường vào ô)

Mã tỉnh Mã trường
10. Trong 3 năm học THPT (4 năm học THCS) hoặc tương đương, học ở khu vực nào lâu hơn thì khoanh tròn vào ký hiệu của khu vực đó: KV1; KV2-NT; KV2; KV3.
11. Thuộc đối tượng ưu tiên nào thì khoanh tròn vào ký hiệu của đối tượng đó:
(01, 02, 03, 04, 05, 06, 07. Sau đó ghi ký hiệu vào 2 ô, nếu không thuộc diện ưu tiên thì để trống)
12. Nơi nộp hồ sơ ĐKTS:.....Mã đơn vị ĐKTS:
13. Tốt nghiệp cấp nào hoặc tương đương thì khoanh tròn vào cấp đó: (THPT, THCS). Ghi năm tốt nghiệp THPT (THCS) hoặc tương đương vào ô: (ghi đủ 4 số của năm tốt nghiệp vào ô)
14. Giấy chứng minh nhân dân số: (ghi mỗi số vào một ô)

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

15. Khi cần báo tin cho ai, theo địa chỉ nào:.....

Điện thoại (nếu có):.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trong bản này là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu xử lý theo Quy chế tuyển sinh TCNN hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

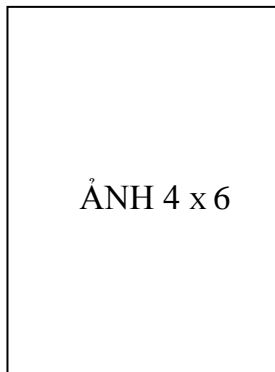
Ghi chú: Sau ngày dự thi (xét tuyển), mọi yêu cầu sửa đổi bổ sung nội dung lời khai sẽ không được chấp nhận

XÁC NHẬN

Người khai phiếu này đang học lớp.....
trường.....
hoặc đang công tác tại cơ quan, đơn vị.....
.....
Hoặc đang thường trú tại phường, xã.....

Ngày tháng năm

Chữ ký của thí sinh



ẢNH 4 x 6

(Tùy theo đối tượng thí sinh, đề nghị Hiệu trưởng các trường (đối với HS đang học), Thủ trưởng cơ quan, đơn vị (đối với cán bộ, nhân viên, công an, quân nhân đang làm việc, phục vụ) hoặc Chính quyền địa phương (đối với thí sinh tự do đang cư trú tại địa phương) xác nhận, ký tên và đóng dấu (chỉ đóng một dấu có phân giáp lại trên ảnh)

Ngày tháng năm
Ký xác nhận và đóng dấu (ghi rõ họ tên)

**PHIẾU ĐĂNG KÝ TUYỂN SINH (ĐKTS) TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP
NĂM 201..**

16. Số phiếu: (thí sinh không ghi rõ mục này. Khi thu phiếu, trước khi đánh số phiếu, các đơn vị cần đọc kỹ hướng dẫn của Bộ)

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | | | |
|--|--|--|--|--|

17. Hình thức tuyển sinh: (thí sinh ghi 1 cho hình thức thi tuyển: ghi 0 cho hình thức xét tuyển)

| |
|--|
| |
|--|

18. Tên trường đăng ký tuyển sinh: (thí sinh ghi tên trường vào đường kẻ chấm, ghi ký hiệu mã trường vào các ô)

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | | |
|--|--|--|--|

19. Ngành dự tuyển: (ghi bằng chữ vào đường kẻ chấm. Và ghi mã ngành vào các ô)

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

20. Họ, chữ lót và tên của thí sinh: (viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

Giới

| |
|--|
| |
|--|

(Nữ ghi 1, Nam ghi 0)

21. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh: (Nếu ngày, tháng nhỏ hơn 10 ghi số 0 ở ô đầu)

| | |
|--|--|
| | |
|--|--|

Ngày

| | |
|--|--|
| | |
|--|--|

tháng

| | |
|--|--|
| | |
|--|--|

năm

22. Dân tộc: (ghi bằng chữ vào đường kẻ chấm)

23. Hộ khẩu thường trú: (ghi rõ số nhà, đường phố, thôn, xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố)

| | |
|--|--|
| | |
|--|--|

Mã tỉnh

| | |
|--|--|
| | |
|--|--|

Mã huyện

24. Nơi tốt nghiệp THPT (THCS) hoặc tương đương: (ghi rõ tên trường và địa chỉ nơi trường đóng: xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố) vào đường kẻ chấm và ghi mã tỉnh nơi trường vào ô)

| | |
|--|--|
| | |
|--|--|

Mã tỉnh

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

Mã trường

25. Trong 3 năm học THPT (4 năm học THCS) hoặc tương đương, học ở khu vực nào lâu hơn thì khoanh tròn vào ký hiệu của khu vực đó: KV1; KV2-NT; KV2; KV3.

26. Thuộc đối tượng ưu tiên nào thì khoanh tròn vào ký hiệu của đối tượng đó: (01, 02, 03, 04, 05, 06, 07. Sau đó ghi ký hiệu vào 2 ô, nếu không thuộc diện ưu tiên thì để trống)

| | |
|--|--|
| | |
|--|--|

27. Nơi nộp hồ sơ ĐKTS: Mã đơn vị ĐKTS:

| | |
|--|--|
| | |
|--|--|

28. Tốt nghiệp cấp nào hoặc tương đương thì khoanh tròn vào cấp đó: (THPT, THCS). Ghi năm tốt nghiệp THPT (THCS) hoặc tương đương vào ô: (ghi đủ 4 số của năm tốt nghiệp vào ô)

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | | |
|--|--|--|--|

29. Giấy chứng minh nhân dân số: (ghi mỗi số vào một ô)

| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

Ngày cấp: Nơi cấp:

30. Khi cần báo tin cho ai, theo địa chỉ nào:

Điện thoại (nếu có):

Tôi xin cam đoan những lời khai trong bản này là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu xử lý theo Quy chế tuyển sinh TCCN hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngày tháng năm
Chữ ký của thí sinh

Ngày tháng năm
Nơi thu hồ sơ
Ký xác nhận và đóng dấu
(ghi rõ họ, tên)

**PHIẾU ĐĂNG KÝ TUYỂN SINH (ĐKTS) TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP
NĂM 201..**

31. Số phiếu: (thí sinh không ghi rõ mục này. Khi thu phiếu, trước khi đánh số phiếu, các đơn vị cần đọc kỹ hướng dẫn của Bộ)

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | | | |
|--|--|--|--|--|

32. Hình thức tuyển sinh: (thí sinh ghi 1 cho hình thức thi tuyển: ghi 0 cho hình thức xét tuyển)

| |
|--|
| |
|--|

33. Tên trường đăng ký tuyển sinh: (thí sinh ghi tên trường vào đường kẻ chấm, ghi ký hiệu mã trường vào các ô)

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | | |
|--|--|--|--|

34. Ngành dự tuyển: (ghi bằng chữ vào đường kẻ chấm. Và ghi mã ngành vào các ô)

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

35. Họ, chữ lót và tên của thí sinh: (viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu) Giới (Nữ ghi 1, Nam ghi 0)

| |
|--|
| |
|--|

36. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh: (Nếu ngày, tháng nhỏ hơn 10 ghi số 0 ở ô đầu)

| | |
|--|--|
| | |
|--|--|

Ngày

| | |
|--|--|
| | |
|--|--|

tháng

| | |
|--|--|
| | |
|--|--|

năm

37. Dân tộc: (ghi bằng chữ vào đường kẻ chấm)

38. Hộ khẩu thường trú: (ghi rõ số nhà, đường phố, thôn, xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố))

| | |
|--|--|
| | |
|--|--|

Mã tỉnh

| | |
|--|--|
| | |
|--|--|

Mã huyện

39. Nơi tốt nghiệp THPT (THCS) hoặc tương đương: (ghi rõ tên trường và địa chỉ nơi trường đóng: xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố) vào đường kẻ chấm và ghi mã tỉnh nơi trường vào ô)

| | |
|--|--|
| | |
|--|--|

Mã tỉnh

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

Mã trường

40. Trong 3 năm học THPT (4 năm học THCS) hoặc tương đương, học ở khu vực nào lâu hơn thì khoanh tròn vào ký hiệu của khu vực đó: KV1; KV2-NT; KV2; KV3.

41. Thuộc đối tượng ưu tiên nào thì khoanh tròn vào ký hiệu của đối tượng đó: (01, 02, 03, 04, 05, 06, 07. Sau đó ghi ký hiệu vào 2 ô, nếu không thuộc diện ưu tiên thì để trống)

| | |
|--|--|
| | |
|--|--|

42. Nơi nộp hồ sơ ĐKTS: Mã đơn vị ĐKTS:

| | |
|--|--|
| | |
|--|--|

43. Tốt nghiệp cấp nào hoặc tương đương thì khoanh tròn vào cấp đó: (THPT, THCS). Ghi năm tốt nghiệp THPT (THCS) hoặc tương đương vào ô: (ghi đủ 4 số của năm tốt nghiệp vào ô)

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | | |
|--|--|--|--|

44. Giấy chứng minh nhân dân số: (ghi mỗi số vào một ô)

| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

Ngày cấp: Nơi cấp:

45. Khi cần báo tin cho ai, theo địa chỉ nào:

Điện thoại (nếu có):

Tôi xin cam đoan những lời khai trong bản này là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu xử lý theo Quy chế tuyển sinh TCCN hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngày tháng năm
Chữ ký của thí sinh

Ngày tháng năm
Nơi thu hồ sơ
Ký xác nhận và đóng dấu
(ghi rõ họ, tên)

**BẢN QUY ƯỚC MÃ SỐ CÁC ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN
TRONG TUYỂN SINH TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP NĂM 2018**

| Thí sinh là: | Mã số |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số Việt Nam - Công nhân viên ưu tú đã làm việc 5 năm, trong đó có 2 năm liên tục là chiến sỹ thi đua được từ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc Bộ, ngành trở lên công nhận và cấp bằng khen - Thương binh, bệnh binh và người hưởng chính sách như thương binh; quân nhân, công an tại ngũ được cử đi học, quân nhân hoàn thành nghĩa vụ đã xuất ngũ có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại khu vực 1 (KV1). - Con liệt sỹ, con thương binh, bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên, con của người hưởng chính sách như thương binh mất sức lao động 81% trở lên, con Bà mẹ Việt Nam anh hùng, con Anh hùng lực lượng vũ trang, con Anh hùng lao động; con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 và con của người hoạt động cách mạng từ 01/01/1945 đến trước ngày tổng khởi nghĩa 19/08/1945; con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất hóa học là người được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt học tập do hậu quả của chất độc hóa học. | 01 02 03 04 } Nhóm ưu tiên 1 |
| <ul style="list-style-type: none"> - Quân nhân, công an, thanh niên xung phong tập trung được cử đi học, quân nhân phục viên, xuất ngũ đã có quá trình phục vụ từ 18 tháng trở lên tính đến ngày dự tuyển. - Con thương binh, bệnh binh mất sức lao động dưới 81%, con của những người hưởng chính sách như con thương binh mất sức lao động dưới 81%, thí sinh khuyết tật có giấy chứng nhận của cấp tỉnh bị dị dạng, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt hoặc lao động. - Người lao động ưu tú thuộc tất cả các thành phần kinh tế được tỉnh, thành phố trở lên công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân; người được cấp bằng lao động sáng tạo của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam hoặc danh hiệu tuổi trẻ sáng tạo của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; giáo viên trong ngành giáo dục (chưa có bằng TCCN) đã giảng dạy 3 năm (tính đến ngày dự tuyển) dự tuyển vào TCCN khối Sư phạm; y tá, dược tá, hộ lý, kỹ thuật viên khối Y, Dược có bằng sơ cấp đã công tác 3 năm (tính đến ngày dự tuyển) dự tuyển vào TCCN khối Y, Dược ; người lao động có bằng tốt nghiệp đào tạo nghề hệ chính quy đã có thời gian làm việc 3 năm (tính đến ngày dự tuyển) dự tuyển vào TCCN khối ngành tương ứng. | 05 06 07 } Nhóm ưu tiên 2 |

Chú ý:

- Tại dòng hình thức tuyển sinh, thí sinh ghi 1 khi lựa chọn dự tuyển vào trường/ ngành tuyển phải thi tuyển, thí sinh ghi 0 khi lựa chọn dự tuyển vào trường/ ngành tuyển chỉ tiến hành xét tuyển.

- Thời gian tối đa được hưởng ưu tiên đối với công nhân phục viên xuất ngũ dự tuyển (đối tượng 03 và đối tượng 05) là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ.

- Thí sinh có nguyện vọng dự tuyển vào trường nào thì mua một bộ hồ sơ đăng ký tuyển sinh gồm một túi đựng hồ sơ (Đây chính là một phiếu ĐKTS, mặt sau in mã đối tượng ưu tiên) và phiếu số 1, số 2. Thí sinh phải ghi đầy đủ các mục ở mặt trước túi hồ sơ và phiếu số 1, số 2 theo hướng dẫn ghi ở mặt sau túi hồ sơ, phiếu số 1, số 2 và cuốn “những điều cần biết về tuyển sinh TCCN năm 2018” sau đó nộp cho nơi nhận hồ sơ cùng với 2 ảnh cỡ 4 x 6 kiểu chứng minh thư mới chụp trong vòng 6 tháng (có ghi rõ tên, ngày tháng năm sinh, tỉnh, huyện và mã đơn vị ĐKTS vào mặt sau tấm ảnh, hai ảnh này đựng trong một phong bì nhỏ) ngoài ra phải dán ảnh vào túi hồ sơ. Nơi thu giữ lại túi hồ sơ, phiếu số 1 và 2 ảnh, trả lại phiếu số 2 cho thí sinh sau khi đã ký và đóng dấu xác nhận. Thí sinh lưu giữ phiếu số 2 này để nhận giấy báo dự thi (tuyển), báo điểm và nêu trong trường hợp bị thất lạc giấy báo dự thi (tuyển) hoặc có những sai sót do máy tính thực hiện khi in giấy báo dự thi (tuyển), thí sinh đem phiếu này kèm theo giấy giới thiệu của nơi thu hồ sơ trực tiếp tới trường để làm thủ tục dự thi (tuyển).

- Ngoài ra thí sinh phải nộp kèm các giấy chứng nhận chính thức hoặc bản sao (hợp pháp), nếu thuộc các đối tượng ưu tiên (con liệt sỹ, con thương binh...)